

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

B03 - DNPNT

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		3.954.804.803	(116.771.334.551)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	4	66.327.934.367	161.360.663.318
70	Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá		7.113.796	18.398.789
80	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	4	70.289.852.966	44.607.727.556

Ông Châu Tuấn
Người lập biểu

Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga
Kế toán Trưởng



Ông Phan Quốc Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2017

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Điều hành	3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8 - 10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	11 - 12
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	13 - 53

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 và Luật số 61/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm.

Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập số 1529/GP-UB do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 7 năm 1995, Giấy đăng ký kinh doanh số 059614 do Ủy ban kế hoạch Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 8 năm 1995 và Giấy chứng nhận đủ tiêu chuẩn và điều kiện hoạt động số 05TC/GCN ngày 10 tháng 1 năm 1995 do Bộ Tài chính cấp. Giấy phép thành lập và hoạt động số 71GP/KDBH ngày 15 tháng 4 năm 2014 và giấy phép điều chỉnh mới nhất số 71/GPĐC18/KDBH ngày 7 tháng 4 năm 2017 do Bộ Tài chính cấp.

Công ty được thành lập nhằm thực hiện các hoạt động kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh tái bảo hiểm, giám định tổn thất, đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 185 Điện Biên Phủ, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Vào thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có bốn mươi sáu (46) công ty thành viên đặt tại các tỉnh/thành phố trong cả nước.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Nguyễn Thành Long	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2013
Ông Nguyễn Quang Thông	Phó chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2013
Ông Võ Tấn Hoàng Văn	Phó chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2014
Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2014
Ông Trần Văn Hồi	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2014
Ông Nguyễn Hữu Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2015
Ông Phan Quốc Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 5 năm 2016
Bà Phạm Minh Châm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 5 năm 2016

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Bà Nguyễn Thị Tường Vy	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2014
Bà Lê Thị Thanh Bình	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2013
Ông Nguyễn Minh Thuận	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2014
Ông Võ Hoàng Duy Trinh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 3 tháng 4 năm 2017
		Bổ nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2017

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Ban Điều hành trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Ông Phan Quốc Dũng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2015
Bà Lưu Thị Tố Trinh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2015
		Miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2017
Ông Hồ Quang Đức	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 10 năm 2016
Bà Phạm Minh Châm	Giám đốc Tài chính	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 10 năm 2014
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2011
		Tái bổ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2017

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là ông Phan Quốc Dũng, Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Điều hành cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty đã được tuân thủ và tất cả các sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Theo ý kiến của Ban Điều hành, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Điều hành:



Ông Phan Quốc Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

Số tham chiếu: 60948250/19288773-SX

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long ("Công ty") được lập vào Ngày 14 tháng 8 năm 2017 từ trang 5 đến trang 53, bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Điều hành Công ty

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên mọi khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Saman Bandara
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2036-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2017

B01 - DNPNT

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.199.443.101.968	1.149.461.989.675
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	70.289.852.966	66.327.934.367
111	1. Tiền		70.289.852.966	66.327.934.367
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	675.321.636.138	701.056.807.045
121	1. Đầu tư ngắn hạn	5.1	79.893.963.692	79.588.209.303
122	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	5.1	(9.072.327.554)	(14.531.402.258)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		604.500.000.000	636.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		253.139.927.395	205.479.830.089
131	1. Phải thu của khách hàng		167.632.897.113	150.371.937.793
131.1	1.1. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	6	167.632.897.113	150.371.937.793
136	2. Các khoản phải thu khác	7	102.114.588.258	69.897.724.890
137	3. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	6,7	(16.607.557.976)	(14.789.832.594)
140	IV. Hàng tồn kho		391.763.760	429.552.245
141	1. Hàng tồn kho		391.763.760	429.552.245
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		51.145.522.369	47.197.518.110
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		40.348.582.374	34.265.470.454
151.1	1.1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	8	37.069.616.546	33.237.139.508
151.2	1.2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác		3.278.965.828	1.028.330.946
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		4.369.614.577	1.215.489.344
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	13	6.427.325.418	11.716.558.312
190	VI. Tài sản tái bảo hiểm	16.1	149.154.399.340	128.970.347.819
191	1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm		65.457.089.147	64.017.363.654
192	2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm		83.697.310.193	64.952.984.165

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2017

B01 - DNPNT

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		409.998.681.752	280.178.646.433
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		12.000.000.000	10.000.000.000
218	1. Phải thu dài hạn khác		12.000.000.000	10.000.000.000
218.1	1.1. Kỳ quỹ bảo hiểm		12.000.000.000	10.000.000.000
220	II. Tài sản cố định		29.918.830.840	32.068.902.169
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	19.916.279.727	21.452.009.764
222	Nguyên giá		44.198.857.193	46.102.911.739
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(24.282.577.466)	(24.650.901.975)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	9.781.551.113	10.233.817.859
228	Nguyên giá		15.156.419.277	15.156.419.277
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(5.374.868.164)	(4.922.601.418)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		221.000.000	383.074.546
250	III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	5	355.517.500.000	227.000.000.000
255	1. Đầu tư dài hạn khác		357.020.500.000	228.503.000.000
255.1	2. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(1.503.000.000)	(1.503.000.000)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		12.562.350.912	11.109.744.264
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	4.712.373.849	3.820.112.624
262	2. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		5.608.152.967	5.608.152.967
268	3. Tài sản dài hạn khác		2.241.824.096	1.681.478.673
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.609.441.783.720	1.429.640.636.108

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2017

B01 - DNPNT

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		964.522.677.018	884.989.339.709
310	I. Nợ ngắn hạn		961.832.718.393	882.137.973.334
311	1. Phải trả người bán		115.557.127.226	118.804.781.494
311.1	1.1. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	12	115.557.127.226	118.804.781.494
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	10.499.721.727	9.498.543.486
314	3. Phải trả người lao động		12.991.477.348	23.056.447.417
315	4. Chi phí phải trả		109.950.000	2.161.670.101
318	5. Các khoản phải trả khác	14	37.200.344.831	30.765.429.278
319	6. Doanh thu chưa thực hiện		1.425.652.643	4.742.931.839
319.1	7. Doanh thu hoa hồng nhượng tái chưa được hưởng	15	17.111.141.761	16.746.790.243
329	8. Dự phòng nghiệp vụ		766.937.302.857	676.361.379.476
329.1	8.1. Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	16.1	424.564.085.792	395.800.761.928
329.2	8.2. Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	16.1	296.112.530.801	238.065.614.410
329.3	8.3. Dự phòng dao động lớn	16.2	46.260.686.264	42.495.003.138
330	II. Nợ dài hạn		2.689.958.625	2.851.366.375
333	1. Nhận ký quỹ dài hạn		20.000.000	20.000.000
342	2. Quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc		2.669.958.625	2.831.366.375
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		644.919.106.702	544.651.296.399
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	644.919.106.702	544.651.296.399
411	1. Vốn cổ phần		600.000.000.000	500.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(415.994.845)	(41.994.845)
414	3. Cổ phiếu quỹ		(5.260.000)	-
419	4. Quỹ dự trữ bắt buộc		12.807.171.740	12.807.171.740
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		32.533.189.807	31.886.119.504
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.609.441.783.720	1.429.640.636.108

(Signature)

Ông Châu Tuấn
Người lập biểu

Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga
Kế toán Trưởng



Ông Phan Quốc Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Phần I – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
 cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

B02 - DNPNT

VND

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
10	1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	366.187.240.086	267.020.146.432
12	2. Doanh thu hoạt động tài chính	49.423.371.241	46.585.109.888
13	3. Thu nhập khác	1.117.222.670	26.379.794
20	4. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(297.823.805.476)	(198.150.725.630)
22	5. Chi phí hoạt động tài chính	353.242.261	(5.060.488.115)
23	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	(92.574.120.833)	(66.704.938.601)
24	7. Chi phí khác	(343.212.480)	(59.760.077)
50	8. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	26.339.937.469	43.655.723.691
51	9. Chi phí thuế TNDN hiện hành	(5.298.182.594)	(8.731.144.738)
60	10. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	21.041.754.875	34.924.578.953
70	11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	385	773

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Phần II – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG
 cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

B02 - DNPNT

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
01	1. Doanh thu phí bảo hiểm	19	414.068.884.694	307.353.759.196
	<i>Trong đó:</i>			
01.1	Phí bảo hiểm gốc		413.258.493.197	318.998.722.829
01.2	Phí nhận tái bảo hiểm		29.573.715.361	15.452.321.638
01.3	Tăng dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	16.1	(28.763.323.864)	(27.097.285.271)
02	2. Phí nhượng tái bảo hiểm		(64.824.170.738)	(56.237.347.458)
	<i>Trong đó:</i>			
02.1	Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	20	(66.263.896.231)	(48.949.091.142)
02.2	Tăng/(giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	16.1	1.439.725.493	(7.288.256.316)
03	3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần		349.244.713.956	251.116.411.738
04	4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm		16.942.526.130	15.903.734.694
	<i>Trong đó:</i>			
04.1	Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	15	16.873.377.207	15.902.833.558
04.2	Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm		69.148.923	901.136
10	5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm		366.187.240.086	267.020.146.432
11	6. Chi bồi thường		(146.648.203.588)	(101.877.169.074)
	<i>Trong đó:</i>			
	Tổng chi bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	21	(149.117.055.428)	(104.982.203.071)
	Các khoản giảm trừ	21	2.468.851.840	3.105.033.997
12	7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	21	23.018.180.869	10.389.796.246
13	8. (Tăng)/giảm dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	21	(58.046.916.391)	25.691.850.772
14	9. Tăng/(giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	21	18.744.326.028	(31.745.606.254)
15	10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm	21	(162.932.613.082)	(97.541.128.310)
16	11. Tăng dự phòng dao động lớn	16.2	(3.765.683.126)	(2.855.019.533)

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) B02 - DNPNT
 Phần II – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)
 cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
17	12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm		(131.125.509.268)	(97.754.577.787)
	<i>Trong đó:</i>			
17.1	Chi hoa hồng	8	(36.281.151.881)	(27.669.479.299)
17.2	Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	22	(94.844.357.387)	(70.085.098.488)
18	13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm		(297.823.805.476)	(198.150.725.630)
19	14. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm		68.363.434.610	68.869.420.802
23	15. Doanh thu hoạt động tài chính	23	49.423.371.241	46.585.109.888
24	16. Chi phí hoạt động tài chính	24	353.242.261	(5.060.488.115)
25	17. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính		49.776.613.502	41.524.621.773
26	18. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(92.574.120.833)	(66.704.938.601)
30	19. Lãi thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm		25.565.927.279	43.689.103.974
31	20. Thu nhập khác		1.117.222.670	26.379.794
32	21. Chi phí khác		(343.212.480)	(59.760.077)
40	22. Lãi/(lỗ) khác	26	774.010.190	(33.380.283)
50	23. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		26.339.937.469	43.655.723.691
51	24. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27	(5.298.182.594)	(8.731.144.738)
60	25. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		21.041.754.875	34.924.578.953
70	26. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	385	773





Ông Châu Tuấn
 Người lập biểu

Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga
 Kế toán Trưởng


 Ông Phan Quốc Dũng
 Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

B03 - DNPNT

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu phí và hoa hồng		383.958.671.988	301.405.688.019
03	2. Tiền thu từ các khoản thu được giảm chi		25.487.032.709	13.494.830.243
04	3. Tiền thu từ các hoạt động kinh doanh khác		196.472.758.430	4.059.436.266
05	4. Trả tiền bồi thường bảo hiểm		(149.117.055.428)	(105.021.002.580)
06	5. Trả tiền hoa hồng và các khoản nợ khác của kinh doanh bảo hiểm		(131.125.509.268)	(97.754.577.787)
07	6. Trả tiền cho người bán và cung cấp dịch vụ		(41.251.364.004)	(33.713.934.192)
08	7. Trả tiền cho công nhân viên		(59.912.269.389)	(35.827.229.970)
09	8. Thuế TNDN đã nộp	13	(8.949.700)	(10.123.034.632)
10	9. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(162.281.610.513)	(23.513.444.884)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		62.221.704.825	13.006.730.483
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi mua tài sản cố định		(44.900.000)	(203.175.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		1.096.704.060	-
23	3. Tiền chi cho các khoản đầu tư		(355.845.180.686)	(313.633.005.949)
24	4. Tiền thu từ các khoản đầu tư		264.194.245.611	159.748.193.918
27	5. Lãi đầu tư nhận được		32.851.383.515	24.556.024.997
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(57.747.747.500)	(129.531.962.034)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	1. Tiền trả cổ tức	18	(519.152.522)	(246.103.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(519.152.522)	(246.103.000)